



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007
Đầu tư số 1714445463 ngày 24 tháng 11 năm 2020

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty được điều chỉnh lần đầu vào ngày 24 tháng 11 năm 2020 bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 1714445463. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu và bản điều chỉnh lần lượt do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi cấp, và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận 4300338460 ngày 6 tháng 10 năm 2005
Đăng ký Doanh nghiệp số

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 1 tháng 11 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Teo Hong Keng	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Nhự	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Bà Đỗ Thị Kiều Diễm	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Bùi Thị Nhự	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc
Ông Thượng Tấn Lực	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú,
Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi **Báo cáo của Ban Giám đốc**

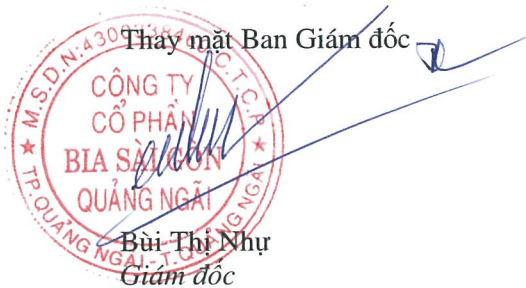
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Tỉnh Quảng Ngãi, ngày 5 tháng 2 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 2 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00287-21-2

Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 2 năm 2021

4300
CỘ
CỘ
A S
UẢN
NGAI

1-C.T.T.N.H.H
H
NHH
HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		424.061.826.236	184.394.438.797
Tiền	110	6	16.400.170.485	13.615.200.518
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7(a)	166.900.000.000	14.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		166.900.000.000	14.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		164.119.377.265	48.300.124.369
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	35.095.466.541	43.581.573.819
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	124.541.302.087	3.756.436.175
Phải thu ngắn hạn khác	136		4.482.608.637	962.114.375
Hàng tồn kho	140	10(a)	74.287.500.157	107.954.776.828
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.354.778.329	524.337.082
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.354.778.329	524.337.082
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		753.127.533.270	710.555.261.776
Tài sản cố định	220		681.499.739.825	642.645.020.043
Tài sản cố định hữu hình	221	11	681.499.739.825	642.645.020.043
Nguyên giá	222		1.488.497.902.470	1.358.680.104.096
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(806.998.162.645)	(716.035.084.053)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		423.000.000	423.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(423.000.000)	(423.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.216.320.512	24.541.679.935
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.216.320.512	24.541.679.935
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	60.000.000.000	30.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		60.000.000.000	30.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		9.411.472.933	13.368.561.798
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	4.308.305.083	5.139.846.799
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		809.510.339	490.464.168
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10(b)	4.293.657.511	7.738.250.831
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.177.189.359.506	894.949.700.573

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		499.542.417.903	251.729.347.338
Nợ ngắn hạn	310		400.357.705.903	251.729.347.338
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14(a)	15.743.532.585	27.159.644.824
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		55.093.885	116.416.707
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	129.836.044.140	77.001.173.685
Phải trả người lao động	314		9.115.684.352	7.508.627.810
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	9.568.999.006	12.803.357.345
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	11.193.085.406	23.346.335.188
Vay ngắn hạn	320	18	216.179.407.236	91.500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	8.665.859.293	12.293.791.779
Nợ dài hạn	330		99.184.712.000	-
Phải trả người bán dài hạn	331	14(b)	99.184.712.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		677.646.941.603	643.220.353.235
Vốn chủ sở hữu	410	20	677.646.941.603	643.220.353.235
Vốn cổ phần	411	21	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	36.600.250.272	36.600.250.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		191.046.691.331	156.620.102.963
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		90.184.319.519	15.564.055.941
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		100.862.371.812	141.056.047.022
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.177.189.359.506	894.949.700.573

Ngày 5 tháng 2 năm 2021

Người lập:



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhự
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2020	2019
	số	minh	VND	VND
Doanh thu bán hàng	01	25	1.091.152.337.814	1.122.037.241.085
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	545.945.122	1.925.889.526
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	25	1.090.606.392.692	1.120.111.351.559
Giá vốn hàng bán	11	26	943.534.996.577	931.694.976.632
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		147.071.396.115	188.416.374.927
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	10.090.598.994	3.077.917.038
Chi phí tài chính	22	28	18.150.845.347	4.433.016.819
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.490.478.675	3.801.747.556
Chi phí bán hàng	25	29	9.640.986.230	9.944.567.633
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	12.999.579.968	15.385.814.980
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		116.370.583.564	161.730.892.533
Thu nhập khác	31		3.589.724.753	2.739.534.484
Chi phí khác	32		2.667.718.126	1.931.400.631
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		922.006.627	808.133.853
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		117.292.590.191	162.539.026.386
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	9.971.087.765	12.324.666.568
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(319.046.171)	(490.464.168)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		107.640.548.597	150.704.823.986
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.241	3.135

Ngày 5 tháng 2 năm 2021

Người lập:



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2020	2019
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		117.292.590.191	162.539.026.386
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		91.658.187.765	85.011.599.453
Các khoản dự phòng	03		4.198.449.040	5.631.770.902
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		10.761.403.382	(401.168)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10.029.611.296)	(2.103.560.716)
Chi phí lãi vay	06		6.490.478.675	3.801.747.556
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		220.371.497.757	254.880.182.413
Biến động các khoản phải thu	09		7.992.838.070	2.676.511.668
Biến động hàng tồn kho	10		32.913.420.951	(21.487.082.452)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		41.687.488.070	(34.316.780.739)
Biến động chi phí trả trước	12		(998.899.531)	(638.733.292)
			301.966.345.317	201.114.097.598
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.346.883.135)	(3.822.767.210)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.912.567.748)	(12.139.499.087)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.780.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.058.831.595)	(13.205.339.086)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		276.648.062.839	171.949.272.215
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(143.599.198.015)	(34.587.653.113)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		216.000.000	-
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(322.100.000.000)	(44.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		139.200.000.000	15.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		7.621.810.199	1.318.481.263
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(318.661.387.816)	(62.269.171.850)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2020	2019
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33		859.810.461.124	539.790.627.160
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(735.346.521.888)	(604.684.957.160)
Tiền chi trả cổ tức	36		(79.656.110.700)	(86.790.047.827)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		44.807.828.536	(151.684.377.827)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		2.794.503.559	(42.004.277.462)
Tiền đầu năm	60		13.615.200.518	55.619.535.660
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(9.533.592)	(57.680)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	16.400.170.485	13.615.200.518

Ngày 5 tháng 2 năm 2021

Người lập:



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là BSQ.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu và nước giải khát; sản xuất kinh doanh cồn và kinh doanh kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 196 nhân viên (1/1/2020: 196 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

3011
CH
ÔN
|
NH

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Ảnh hưởng của Covid-19 và nghị định mới

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ, và do đó cũng ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất kinh doanh bia rượu. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Các bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty được phân biệt dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Tổng VND
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Doanh thu	969.375.392.588	121.231.000.104	1.090.606.392.692
Giá vốn	(850.728.235.873)	(92.806.760.704)	(943.534.996.577)
	118.647.156.715	28.424.239.400	147.071.396.115
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Doanh thu	992.675.383.497	127.435.968.062	1.120.111.351.559
Giá vốn	(835.588.214.123)	(96.106.762.509)	(931.694.976.632)
	157.087.169.374	31.329.205.553	188.416.374.927

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	175.325.801	274.597.888
Tiền gửi ngân hàng	16.224.844.684	13.340.602.630
	<hr/>	<hr/>
	16.400.170.485	13.615.200.518
	<hr/>	<hr/>

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,6% đến 6,7% một năm (1/1/2020: 7,3% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị là 34.500 triệu VND (1/1/2020: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,5% đến 6,1% một năm (1/1/2020: 8,3% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn có giá trị là 60.000 triệu VND (1/1/2020: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18) và cho các khoản trả chậm cho người bán của Công ty (Thuyết minh 14(b)).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	27.088.991.479	27.728.275.300
International Consolidated Business Pty Ltd	4.710.717.648	-
Công ty TNHH Amico Gold	2.083.824.509	10.008.909.503
Elixir Signature Pty Ltd	-	4.663.008.000
Các khách hàng khác	1.211.932.905	1.181.381.016
	35.095.466.541	43.581.573.819

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị là 35.095 triệu VND (1/1/2020: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	27.088.991.479	27.728.275.300

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 3 đến 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	76.200.000.000	-
Krones AG	32.270.568.010	-
Các nhà cung cấp khác	16.070.734.077	3.756.436.175
	124.541.302.087	3.756.436.175

Trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm 124.364 triệu VND là khoản trả trước cho người bán để mua tài sản cố định (1/1/2020: 2.791 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	31.094.934.125	-	33.662.610.384	-
Công cụ và dụng cụ	3.125.488.147	-	8.652.670.453	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.111.445.183	-	27.337.711.621	-
Thành phẩm	20.856.539.082	-	38.301.784.370	-
Hàng hóa	99.093.620	-	-	-
	74.287.500.157	-	107.954.776.828	-

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 74.288 triệu VND hàng tồn kho (1/1/2020: 107.955 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	15.032.029.964	(10.738.372.453)	14.278.174.244	(6.539.923.413)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	6.539.923.413	-
Dự phòng trích lập trong năm	5.617.211.683	6.539.923.413
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(1.418.762.643)	-
Số dư cuối năm	10.738.372.453	6.539.923.413



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	255.466.004.995	1.092.637.239.215	9.372.683.292	659.276.541	544.900.053	1.358.680.104.096
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.698.498.865	117.814.408.682	-	-	-	130.512.907.547
Thanh lý	-	-	(695.109.173)	-	-	(695.109.173)
Số dư cuối năm	268.164.503.860	1.210.451.647.897	8.677.574.119	659.276.541	544.900.053	1.488.497.902.470
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	90.341.291.901	616.720.853.193	8.019.345.280	625.210.879	328.382.800	716.035.084.053
Khấu hao trong năm	11.344.231.905	79.817.020.512	444.489.168	21.515.148	30.931.032	91.658.187.765
Thanh lý	-	-	(695.109.173)	-	-	(695.109.173)
Số dư cuối năm	101.685.523.806	696.537.873.705	7.768.725.275	646.726.027	359.313.832	806.998.162.645
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	165.124.713.094	475.916.386.022	1.353.338.012	34.065.662	216.517.253	642.645.020.043
Số dư cuối năm	166.478.980.054	513.913.774.192	908.848.844	12.550.514	185.586.221	681.499.739.825

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản nguyên giá 15.308 triệu VND (1/1/2020: 11.274 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 128.176 triệu VND (1/1/2020: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18) và các khoản trả chậm cho người bán của Công ty (Thuyết minh 14(b)).



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	24.541.679.935	(1.500.000)
Tăng trong năm	110.745.932.143	30.873.655.143
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(130.512.907.547)	(6.330.475.208)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.558.384.019)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.216.320.512	24.541.679.935
	<hr/>	<hr/>

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì	Công cụ	Tổng
	luân chuyển	và dụng cụ	
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	1.417.287.869	3.722.558.930	5.139.846.799
Tăng trong năm	-	3.337.634.019	3.337.634.019
Phân bổ trong năm	(1.291.530.297)	(2.877.645.438)	(4.169.175.735)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	125.757.572	4.182.547.511	4.308.305.083
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

14. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán ngắn hạn

(i) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có	
	khả năng trả nợ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đà Nẵng	5.463.544.988	7.102.870.910
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.660.790.712	6.819.807.138
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	1.017.235.810	4.429.478.160
Các nhà cung cấp khác	6.601.961.075	8.807.488.616
	<hr/>	<hr/>
	15.743.532.585	27.159.644.824
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.660.790.712	6.819.807.138
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	470.618.500	2.172.564.548
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	61.380.000	61.380.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) Phải trả người bán dài hạn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Krones AG	99.184.712.000	-

Khoản phải trả dài hạn cho Krones AG được đảm bảo bằng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị ghi sổ là 30.000 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 7 (b)) và tài sản cố định hữu hình có giá còn lại là 112.632 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 11). Khoản phải trả người bán dài hạn này sẽ được thanh toán vào ngày 18 tháng 9 năm 2022.

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cấn trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	67.346.216.885	904.958.324.857	(860.830.648.554)	111.473.893.188
Thuế giá trị gia tăng	6.460.184.726	187.232.432.167	(179.440.610.339)	14.252.006.554
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.880.182.940	9.971.087.765	(9.912.567.748)	2.938.702.957
Thuế thu nhập cá nhân	314.589.134	3.823.311.143	(2.966.458.836)	1.171.441.441
Các loại thuế khác	-	15.663.771	(15.663.771)	-
	77.001.173.685	1.106.000.819.703	(1.053.165.949.248)	129.836.044.140

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.660.912.963	8.517.317.423
Thù lao Hội đồng Quản trị	105.130.527	941.193.600
Chi phí khác	802.955.516	3.344.846.322
	<hr/>	<hr/>
	9.568.999.006	12.803.357.345
	<hr/>	<hr/>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Cổ tức phải trả	9.183.891.500	21.340.002.200
Phải trả khác	2.009.193.906	2.006.332.988
	<hr/>	<hr/>
	11.193.085.406	23.346.335.188
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2020		Biến động trong năm		31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	91.500.000.000	859.810.461.124	(735.346.521.888)	215.468.000	216.179.407.236	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	VND	4.5%	50.500.000.000	91.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	USD	3.0%	60.193.452.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (ii)	VND	4.5%	35.500.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	4.5%	69.985.955.236	-
			<u>216.179.407.236</u>	<u>91.500.000.000</u>

(i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 180.000 triệu VND và được bảo đảm bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 57.731 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 107.955 triệu VND) (Thuyết minh 10(a)) và phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 35.095 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 8(a)).

(ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 80.000 triệu VND và được bảo đảm bằng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn có giá trị ghi sổ là 30.000 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 7 (b)), hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 16.557 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 10(a)), và tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 16.544 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 11).

(iii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 70.000 triệu VND và được bảo đảm bằng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 34.500 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 7 (a)).



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	12.293.791.779	16.803.773.395
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	(1.064.216.556)	630.000.000
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	6.678.176.785	9.648.776.964
Sử dụng trong năm	(9.241.892.715)	(14.788.758.580)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.665.859.293	12.293.791.779

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	450.000.000.000	36.600.250.272	115.194.055.941	601.794.306.213
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	150.704.823.986	150.704.823.986
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(630.000.000)	(630.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(9.648.776.964)	(9.648.776.964)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(99.000.000.000)	(99.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	450.000.000.000	36.600.250.272	156.620.102.963	643.220.353.235
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	107.640.548.597	107.640.548.597
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	1.064.216.556	1.064.216.556
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(6.678.176.785)	(6.678.176.785)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(67.500.000.000)	(67.500.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	450.000.000.000	36.600.250.272	191.046.691.331	677.646.941.603

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên ngày 22 tháng 6 năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức năm 2019 cho các cổ đông là 67.500 triệu VND, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu, (2019: 99.000 triệu VND, tương đương 2.200 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018). Khoản cổ tức này đã được trả cho các cổ đông từ ngày 2 tháng 10 năm 2020 theo thông báo số 162/CV-BSGQN ngày 31/08/2020.

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.697.578.275	1.697.578.275
Từ hai đến năm năm	6.790.313.099	6.790.313.099
Sau năm năm	37.723.444.892	39.425.674.066
	<hr/>	<hr/>
	46.211.336.266	47.913.565.440
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	244.679	5.627.237.309	59.312	1.370.031.391
EUR	682	19.199.880	682	17.659.543
		<hr/>		<hr/>
		5.646.437.189		1.387.690.934
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	348.889.111.987	94.854.826.004
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2020	2019
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.083.417.465.654	1.113.784.711.701
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>1.988.375.790.511</i>	<i>1.998.293.414.496</i>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>904.958.324.857</i>	<i>884.508.702.795</i>
▪ Bán hàng hóa	-	145.444.920
▪ Bán phế liệu	7.734.872.160	8.107.084.464
	<hr/> 1.091.152.337.814	<hr/> 1.122.037.241.085
Trừ đi khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	545.945.122	1.883.557.936
▪ Hàng bán bị trả lại	-	42.331.590
	<hr/> 545.945.122	<hr/> 1.925.889.526
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 1.090.606.392.692	<hr/> <hr/> 1.120.111.351.559

26. Giá vốn hàng bán

	2020	2019
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	939.336.547.537	925.881.756.003
▪ Hàng hoá đã bán	-	145.444.920
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.198.449.040	5.667.775.709
	<hr/> 943.534.996.577	<hr/> 931.694.976.632



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	9.813.611.296	2.103.560.716
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	276.987.698	973.955.154
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	401.168
	<hr/>	<hr/>
	10.090.598.994	3.077.917.038
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.490.478.675	3.801.747.556
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	898.963.290	631.269.263
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.761.403.382	-
	<hr/>	<hr/>
	18.150.845.347	4.433.016.819
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí bán hàng

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.251.663.014	7.205.686.593
Chi phí nhân viên	1.931.348.630	1.937.208.100
Chi phí khấu hao	17.464.644	26.196.966
Chi phí bán hàng khác	440.509.942	775.475.974
	<hr/>	<hr/>
	9.640.986.230	9.944.567.633
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	8.756.177.708	10.161.148.164
Chi phí khấu hao	1.036.702.036	1.885.917.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.122.579.069	1.217.114.169
Chi phí quản lý khác	2.084.121.155	2.121.635.317
	12.999.579.968	15.385.814.980

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	780.940.784.589	828.274.038.129
Chi phí khấu hao và phân bổ	91.658.187.765	85.011.599.453
Chi phí nhân công và nhân viên	41.989.852.265	43.359.655.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.847.835.725	19.760.493.572
Chi phí khác	4.521.375.484	4.693.783.103

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	9.206.932.961	12.324.666.568
Dự phòng thiếu trong những năm trước	764.154.804	-
	9.971.087.765	12.324.666.568
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(319.046.171)	(490.464.168)
	9.652.041.594	11.834.202.400

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	117.292.590.191	162.539.026.386
Thuế theo thuế suất của Công ty	17.593.888.529	24.380.853.958
Chi phí không được khấu trừ thuế	819.977.514	268.479.179
Ưu đãi thuế	(9.525.979.253)	(12.815.130.737)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	764.154.804	-
	9.652.041.594	11.834.202.400

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007 và theo Công văn số 2106/CT-TTHT ngày 4 tháng 11 năm 2017 của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2010) theo Điểm b Khoản 2, Điều 34 của Nghị định số 24/2207/NĐ-CP của Chính phủ và được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2013 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2022) đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	107.640.548.597	150.704.823.986
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.778.176.785)	(9.648.776.964)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	100.862.371.812	141.056.047.022

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.854.449.530.260	1.837.860.884.030
Mua nguyên vật liệu	600.452.592.058	602.764.035.874
Cổ tức	44.925.000.000	65.890.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Cổ tức	1.750.000.500	2.566.667.400
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Mua hàng hóa	821.827.400	491.001.980



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Phí sử dụng vỏ chai	427.835.000	2.328.000.000
Mua công cụ và dụng cụ	-	2.656.885.044
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh		
Mua nguyên vật liệu	362.700.000	610.700.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hoá	121.200.000	88.650.000
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương		
Mua hàng hoá	87.801.542	23.138.182
Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh Bách Khoa		
Mua tài sản cố định	-	6.160.000.000
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	-	182.796.000
Ban Giám đốc		
Thù lao	4.730.020.360	5.697.291.516
Cổ tức	690.675.000	1.012.990.000
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao	2.292.753.986	2.067.858.374
Cổ tức	1.500.465.000	4.823.522.000

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2020 VND	2019 VND
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	99.210.072.000	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 5 tháng 2 năm 2021

Người lập:



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

